TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 88/2024/DS-ST
Ngày: 22/7/2024
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Đặng Văn Minh
2. Ông Nguyễn Thành Hiếu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2024/TLST-DS ngày 18/4/2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-DS ngày 19/6/2024 và quyết định hoãn phiên toà số 89/2024/QĐST-DS ngày 05/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:
1/Ông Bùi Văn D - sinh năm 1983
2/Nguyễn Thị V – sinh năm 1974
Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn:
1/Ông Phạm Văn B, sinh năm 1975
2/Bà Lưu Thị H, sinh năm 1978
Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V: Bùi Văn D - sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/5/2024.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Lê Thị Nguyệt N – sinh năm 1964
Địa chỉ: Thôn 9, xã T, huyện A, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa có mặt ông Bùi Văn D, ông Phạm Văn B, bà Lưu Thị H, các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2024 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị V trình bày: Do có quen biết làm ăn nên ngày 13/01/2023, vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H có nhờ vợ chồng ông vay giúp số tiền 650.000.000đ (sáu trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận, thời hạn trả 01 tháng đến 03 tháng, mục đích vay là vay giùm cho bà Quế, do quen thân nên không có làm giấy vay tiền. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông có đòi nhưng vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H không trả mà chỉ trả tiền lãi cho tôi 130.000.000đ. Vợ chồng ông yêu cầu vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H trả cho vợ chồng ông tiền gốc 650.000.000đ và tiền lãi 4%/tháng là 364.000.000đ (650.000.000đ x 4% x 14 tháng), tổng cộng 1.014.000.0000đ trừ đi số tiền lãi đã nhận 130.000.000đ còn lại 884.000.000đ (tám trăm tám mươi bốn triệu đồng) và lãi phát sinh tiếp theo. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H phải trả cho nguyên đơn tiền gốc là 573.950.000đ và tiền lãi là 126.399.130đ, tổng cộng là **700.349.130đ**.

Bị đơn vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H trình bày: Ngày 09/11/2022, bà Phạm Thị Quế - sinh năm 1980 cùng chồng là Nguyễn Văn Thiên – sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 15, xã Hòa Nam, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng hỏi mượn tiền của vợ chồng ông bà, vợ chồng ông bà không có tiền nên vợ chồng ông bà vay tiền của người khác đưa cho vợ chồng ông Thiên bà Quế vay lại, thời hạn trả vào ngày 09/01/2023, đến ngày 09/01/2023 vợ chồng bà Quế không trả cho vợ chồng ông bà nên vợ chồng ông bà mới gặp ông D hỏi vay tiền thì ông D nói để tôi mượn tiền giùm cho, ông D vay tiền của bà N được kêu vợ chồng ông bà đến nhà bà N lấy tiền 650.000.000đ rồi trả cho người ta. Vợ chồng ông bà đã trả lãi 05 tháng mỗi tháng 4%, tổng cộng 130.000.000đ cho ông D, sau đó không có tiền nên không trả lãi nữa. Vợ chồng ông bà chỉ đồng ý trả cho ông D và bà V 650.000.000đ theo thỏa thuận tại Công an xã L, không đồng ý trả lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Nguyện N vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2024 trình bày: Gia đình bà làm nghề kinh doanh vận tải nhưng có làm thêm cho vay đáo hạn ngân hàng. Ngày 13/01/2023, ông Bùi Văn D gọi điện thoại bà nói là: Ông B nhờ ông D vay giúp giùm cho B số tiền 650.000.000đ (sáu trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay từ 01 đến 03 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Sau đó, ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H đến nhà bà nhận số tiền 650.000.000đ (sáu trăm năm mươi triệu đồng). Sau này, ông Bùi Văn D đã trả 650.000.000đ cho bà rồi, bà không liên quan gì nữa đề nghị không triệu tập bà.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị V, buộc vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H phải trả cho vợ chồng ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị V tiền gốc

573.950.000đ và tiền lãi là 126.399.130đ, tổng cộng là **700.349.130đ** (bảy trăm triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn một trăm ba mươi đồng).

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của bà Lê Thị Nguyệt N không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, bà Lê Thị Nguyệt N đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà xin vắng mặt, chứng tỏ bà đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lê Thị Nguyệt N.

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-DS ngày 19/6/2024 đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện B nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

[2]Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Căn cứ vào lời khai của hai bên đương sự thì ngày 13/01/2023 nguyên đơn có cho bị đơn vay 650.000.000đ, lãi suất theo thỏa thuận là 04%/tháng, không có làm giấy tờ gì. Do các đương sự không làm giấy tờ vay tiền nên không thể hiện thời hạn trả, tại Tòa nguyên đơn khai thời hạn trả nợ từ 01 đến 03 tháng và bị đơn cũng đồng ý nên đây là hợp đồng vay tiền có lãi và có thời hạn. Đến hạn trả nợ ngày 13/4/2024, bị đơn không trả tiền gốc cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc đã vay 650.000.000đ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H đã thừa nhận có vay của vợ chồng ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị V số tiền 650.000.000đ, lãi suất theo thỏa thuận 4%/tháng, nguyên đơn đã nhận tiền lãi của bị đơn 05 tháng từ ngày 13/01/2023 đến ngày 13/06/2023 là 130.000.000đ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận đó là sự thật mà không chứng minh gì thêm.

[4]Về mức lãi suất và tiền gốc được tính như sau: Mức lãi suất cho vay 4%/tháng là cao hơn quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất được xác định trong trường hợp này là 1,66%/tháng tương đương

20%/năm. Đối với lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì không có hiệu lực. Do đó, số tiền gốc 650.000.000đ với lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn vay 05 tháng từ ngày 13/01/2023 đến ngày 13/6/2023 là **53.950.000đ** (650.000.000đ x 1,66%/tháng x 05 tháng). Như vậy, từ ngày 13/01/2023 đến ngày 13/6/2023 bị đơn chỉ phải trả tiền lãi cho nguyên đơn số tiền 53.950.000đ, thực tế bị đơn đã trả được 130.000.000đ. Do đó, số tiền bị đơn trả dư cho nguyên đơn 76.050.000đ được trừ vào số tiền gốc nên số tiền gốc còn lại bị đơn phải trả cho nguyên đơn là **573.950.000đ** (650.000.000đ – 76.050.000đ). Do đó, tiếp tục tính tiền lãi trên số tiền gốc **573.950.000đ** từ ngày 14/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/7/2024 như sau: 573.950.000đ x 1,66%/tháng x 13 tháng 08 ngày = 126.399.130đ. Như vậy, từ ngày 14/6/2023 đến ngày xét sử sơ thẩm 22/7/2024, bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền gốc là 573.950.000đ và tiền lãi là 126.399.130đ, tổng cộng là **700.349.130đ** bị đơn phải tiếp tục trả cho nguyên đơn.

[6]Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H khai nại rằng số tiền nợ 650.000.000đ vay của vợ chồng ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị V đã cho bà Phạm Thị Quế - sinh năm 1980 cùng chồng là Nguyễn Văn Thiên – sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 15, xã Hòa Nam, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng mượn, do bà Quế và ông Thiên không trả cho vợ chồng ông bà nên vợ chồng ông bà không trả cho vợ chồng ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị V, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời khai nại này vì: Vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H thừa nhận có vay tiền của vợ chồng ông D và bà V thì vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông D và bà V xong rồi vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn Thiên và bà Phạm Thị Quế trả tiền nợ lại cho ông B và bà H.

[7]Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay là thỏa đáng phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[8]Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị V được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên vợ chồng ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 19.260.000đ (mười chín triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0013228 ngày 11/4/2024.

Do vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H buộc phải trả tiền nợ là là **700.349.130đ** cho vợ chồng ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị V vì vậy vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là

32.013.000đ (20.000.000đ + 12.013.000đ (300.013.000đ x 4%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

2.Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị V, buộc vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H phải trả cho vợ chồng ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị V tiền gốc là 573.950.000đ và tiền lãi là 126.399.130đ, tổng cộng là **700.349.130đ** (bảy trăm triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn một trăm ba mươi đồng).

"Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

3.Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Vợ chồng ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho vợ chồng ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 19.260.000đ (mười chín triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0013228 ngày 11/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **32.013.000đ** (ba mươi hai triệu không trăm mười ba ngàn đồng).

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Bùi Văn D, bị đơn vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lưu Thị H có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/7/2024). Đối với bà Lê Thị Nguyệt N vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Bình Thuận**;**
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ung Thanh Quang